

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HC-PT

Ngày: 17/02/2020

V/v Khiếu kiện quyết định thu hồi đất,
quyết định phê duyệt phương án bồi
thường, hỗ trợ và yêu cầu bồi thường
thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 243/2019/TLPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2019/HC-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 587/2020/QĐPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1929; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 (Theo giấy ủy quyền ngày 12/11/2018); có mặt.

Đều trú tại: Khu 4, phường A, thành phố H, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân V- Luật sư Công ty luật TNHH G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà CTM, số 299 đường C, phường V, quận G, thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến P- Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồ Đ - Phó Chủ tịch UBND thành phố H (theo giấy ủy quyền ngày 17/12/2018); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 106 Trần Hưng Đ, thành phố H, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đặng Vũ S - Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng thành phố H.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần đầu tư L. Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà H, số 15, ngõ 107 Nguyễn C, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung K- Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu K- Giám đốc công ty cổ phần đầu tư L chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2019); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 12 phố Đức M, phường Thanh B, TP. H, tỉnh H.

3.2. UBND phường A; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T - Chủ tịch UBND phường; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 4, phường A, TP. H, tỉnh H.

3.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966; có mặt.

3.4. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1972.

3.5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968.

3.6. Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1993.

Đều trú tại: Khu 4, phường A, TP. H, H. Bà P, bà B và anh M vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị N được chia đất nông nghiệp năm 1993 và đã được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 239495 ngày 31/12/1998 đối với 1.830m² đất trồng cây hàng năm tại Khu 4, phường Ngọc C, thành phố H, tỉnh H.

Ngày 09/4/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 930/QĐ-UBND thu hồi 240m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 224 và 316m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 268, tờ bản đồ địa chính số 03, phường A, thành phố H, tỉnh H của gia đình bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án khu nhà ở phường A, thành phố H (các diện tích trên thuộc thửa 44/5 và thửa 90/4 tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 239495).

Cùng ngày 09/4/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án A. Trong đó hộ gia đình bà N được bồi thường về đất 50.040.000đ; hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp 100.080.000đ; hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ khác 99.180.000đ; bồi thường cây cối hoa màu và tài sản trên đất 4.448.000đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 253.748.000đ.

Ngày 01/10/2018, bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh H, yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 930/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 936/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND thành phố H, yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế do không được canh tác trên diện tích đất bị thu hồi. Hộ gia đình bà N trồng chuối, rau muống trên diện tích đất thu hồi, thu nhập trung bình là 10.000.000đ/tháng. Bà yêu cầu tính thiệt hại của gia đình bà không thu hoạch được từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay là 18 tháng và buộc người bị kiện có trách nhiệm trả cho hộ gia đình bà. Bà N yêu cầu công ty L bồi thường thiệt hại hoa màu do Công ty L san lấp trái phép khi chưa được bàn giao đất, cụ thể là 150 cây chuối gia đình bà trồng từ năm 2013, và rau muống trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi, máy móc gia đình bà N mua để canh tác trên diện tích đất thu hồi.

Bà N cho rằng: UBND thành phố H vi phạm trình tự, thủ tục trong việc kiểm đếm bắt buộc, gia đình bà không trực tiếp nhận được Thông báo thu hồi đất và Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc. UBND thành phố H chưa ra Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, chưa niêm yết công khai Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, nhưng Ban giải phóng mặt bằng thành phố H, UBND phường A đã để cho Công ty L san lấp đất của 18 hộ dân, trong đó có gia đình bà. UBND thành phố H đã áp dụng đơn giá không đúng với thời điểm thu hồi đất, thời điểm thu hồi đất là năm 2018 nhưng lại áp dụng bảng giá đất ban hành năm 2014; dự án khu nhà ở phường A là dự án phân lô bán nền mà bồi thường 90.000đ/m² đất là không đúng mà phải thỏa thuận với dân về giá bồi thường.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019 /HC-ST ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/6/2019, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo (đề ngày 10/6/2019) đối với toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án bản hành chính sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy các Quyết định thu hồi đất số 930/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 936/QĐ-UBND đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N vì sai trình tự thủ tục, bồi thường không đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc Công ty cổ phần đầu tư L bồi thường là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 09/4/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất số 930/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 936/QĐ-UBND đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N. Ngày 01/10/2018, bà N có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh H yêu cầu hủy Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 và Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND thành phố H, yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế do không được canh tác trên diện tích đất bị thu hồi. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 930/QĐ-UBND và Quyết định số 936/QĐ-UBND của UBND thành phố H.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND thành phố H ban hành Quyết định số 930/QĐ-UBND thu hồi đất đối với gia đình bà N; Quyết định số 936/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 66; Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.2]. Về căn cứ ban hành Quyết định số 930/QĐ-UBND thu hồi đất đối với gia đình bà N: Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu nhà ở phường A; Quyết định số 88/HĐND-VP ngày 01/6/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 20/01/2017; Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017, 2018 trên địa bàn thành phố H; Công văn số 321/UBND-VP ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh H v/v ủy quyền cho UBND thành phố H thực hiện thu hồi đất. Do vậy, UBND

thành phố H ban hành Quyết định số 930/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 930/QĐ-UBND: Ngày 29/3/2017, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Thông báo số 235/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án. Ban giải phóng mặt bằng (GPMB) thành phố đã phối hợp cùng UBND phường A tiến hành công khai, niêm yết vào ngày 03/4/2018. Đến ngày 08/4/2017, Hội đồng GPMB Dự án đã phối hợp với Đảng ủy, HĐND&UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc cùng các ban ngành đoàn thể phường A; Bí thư chi bộ, Trưởng khu dân cư số 4 tổ chức Hội nghị phổ biến các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chủ trương thu hồi đất, Kế hoạch GPMB, chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, tổ chức phát tờ kê khai, hướng dẫn kê khai đối với 134 hộ dân có đất nông nghiệp thuộc phạm vi thực hiện dự án.

Trong các ngày 13, 14 và 15/4/2017, Ban GPMB thành phố đã phối hợp cùng UBND phường A, Trưởng các khu dân cư có liên quan mời 134 hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp tiến hành kê khai, kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất. Ban GPMB thành phố đã phối hợp với UBND phường A, Trưởng các khu dân cư liên quan tiếp tục tổ chức mời các hộ có đất nông nghiệp kê khai, kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất và tổ chức đối thoại ngày 21/11/2017 nhưng vẫn còn 27 hộ không phối hợp (trong đó có hộ bà N). Do đó, UBND thành phố H đã ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với 27 hộ gia đình, trong đó hộ gia đình bà N tại Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 07/12/2017. Sau đó, Ban GPMB thành phố đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức công khai quyết định vào ngày 15/12/2018 và tiếp tục tuyên truyền vận động, kết quả có 02 hộ chấp hành, còn lại 25 hộ gia đình không chấp hành kiểm đếm tài sản trên đất (ngày 19/12/2018 giao cho đại diện gia đình bà N nhưng không nhận). Ngày 26/12/2017, tiếp tục vận động các hộ gia đình thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc nhưng các gia đình không thực hiện. Ngày 05/01/2018, UBND thành phố H ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc số 40/QĐ-UBND và niêm yết công khai Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 11/01/2018, tiếp tục vận động ngày 16/01/2018; chiều 23/01/2018, cưỡng chế kiểm đếm đối với gia đình bà N. Ngày 06/02/2018, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; ngày 08/3/2018, tổ chức đối thoại với người dân; ngày 16/3/2018, tổng hợp ý kiến về phương án bồi thường. Ngày 09/4/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất số 930/QĐ-UBND thu hồi thửa số 224 tờ số 3 diện tích 240m², thửa số 286 tờ số 3 diện tích 316m² đối với hộ bà N. Như vậy, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 đối với hộ bà N đảm bảo về căn cứ,

thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là đúng quy định pháp luật.

[2.4]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND: Quyết định số 936/QĐ-UBND của UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 22 hộ gia đình, trong đó có gia đình bà N, bà N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND, sau đó bà N thay đổi chỉ đề nghị hủy một phần quyết định liên quan đến quyền lợi của gia đình bà N; Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đề nghị của bà N là có căn cứ. Căn cứ vào Biên bản kiểm đếm ngày 23/01/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất của gia đình bà N thửa số 224 tờ số 3 diện tích 240m²; thửa số 286 tờ số 3 diện tích 316m² và tài sản trên đất rau ngắn ngày.

Tại khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua bảng giá đất trước khi ban hành. Bảng giá đất được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ*”. Bảng Phụ lục số I kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H quy định: Đơn giá bồi thường đất nông nghiệp loại 1 tại địa bàn thành phố H là 90.000đ/m².

UBND thành phố H lập bản tính toán tổng số tiền gia đình bà N được bồi thường, hỗ trợ là 253.748.000đ, gồm:

Bồi thường đất: 556m² x 90.000đ = 50.040.000đ

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 556m² x 180.000đ = 100.080.000đ;

Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg x 12 tháng x 5 x 13.400đ = 24.120.000đ

Hỗ trợ khác: 556m² x 135.000đ/m² = 75.060.000đ.

Bồi thường hoa màu: 556m² x 8.000đ = 4.448.000đ.

Tại Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 đã phê duyệt tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà N số tiền 253.748.000đ là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của gia đình bà N. Thực tế, sau khi xét xử sơ thẩm hộ gia đình bà N đã nhận đủ số tiền 253.748.000đ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N.

[2.5]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại và thiệt hại do san lấp: Theo bà N thì gia đình bà trồng chuối và rau muống trên diện tích đất bị thu hồi, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng, nên bà yêu cầu người bị kiện phải bồi thường thiệt hại cho hộ gia đình bà không thu hoạch được từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay là 18 tháng bằng 180.000.000đ, bồi thường số tiền gia đình đã mua máy cày, máy bơm phục vụ cho việc trồng cây ruộng bị thu hồi. Do Quyết định số 930/QĐ-UBND và Quyết định số 936/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp

luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà N là đúng.

Trong quá trình san lấp, Công ty L đã san lấp vào 1 phần diện tích đất của hộ bà N (tại Biên bản kiểm tra ngày 06/6/2018 có hộ bà N thửa số 224 diện tích 240m² bị san lấp vào 21,6m²); bà N yêu cầu công ty L bồi thường thiệt hại hoa màu do Công ty L san lấp trái phép khi chưa được bàn giao đất, cụ thể là 150 cây chuối trồng từ năm 2013, và rau muống trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là quan hệ dân sự khác, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính, nếu các đương sự không tự thỏa thuận được, có tranh chấp khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác là phù hợp quy định của pháp luật; nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án thì bà N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình